

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ
môi trường rừng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính quy định cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 1379/QĐ-BNN-TCLN ngày 18/6/2013, Quyết định số 2487/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/10/2013 và Quyết định số 13/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố diện tích rừng thuộc lưu vực trong phạm vi hai tỉnh trở lên làm cơ sở cho việc thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Công văn số 118/VNFF-BĐH ngày 26/9/2014 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam thông báo tạm giao kế hoạch điều phối tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 16/TTr-SNN-KH ngày 19/03/2015 và Báo cáo số 38/BC-QBVPTR ngày 8/04/2015 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2015 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

1. Thu và truy thu tiền DVMTR năm 2015: 22.726.312.692 đồng, gồm:
 - a. Thu năm 2015: 16.507.145.120 đồng.
 - b. Truy thu năm 2011, 2012, 2013, 2014: 6.219.167.572 đồng.

(biểu 1,2 kèm theo)

2. Thực hiện chi tiền DVMTR năm 2015: 16.507.145.120 đồng, gồm:

a. Chi tiền cho các đơn vị chủ rừng: 12.252.246.500 đồng (tạm tính 250.000 đồng/ha/năm).

b. Chi hoạt động bộ máy điều hành quỹ (10%): 1.650.714.512 đồng.

c. Chi Quỹ dự phòng 5%: 75.741.206 đồng (tổng số tiền quỹ dự phòng năm 2015 là 825.357.256 đồng. Số tiền dự phòng năm 2014 chuyển sang năm 2015 749.616.050 đồng vì vậy chi thêm 75.741.206 đồng).

d. Chi bổ sung sau khi đạt kế hoạch thu: 2.528.442.902 đồng

(biểu 3 kèm theo)

3. Thu tiền các đơn vị đã tạm ứng theo chỉ đạo của UBND tỉnh: 11.492.073.000 đồng, cụ thể:

- Các dự án cơ sở: 1.492.073.000 đồng.

- Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long: 10.000.000.000 đồng.

(biểu 4 kèm theo)

4. Đối với tiền DVMTR truy thu năm 2011, 2012, 2013, 2014 chưa chi:

- Năm 2011, 2012: thực hiện chi sau khi có ý kiến, hướng dẫn của Chính phủ. Đồng ý sử dụng nguồn thu năm 2012 chi hoàn trả ngân sách đối với số tiền 388.000.000 đồng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng đã chi phục vụ hoạt động bộ máy điều hành Quỹ năm 2012.

- Năm 2013: chi bổ sung cho các đơn vị chủ rừng do thu vượt kế hoạch 5.567.875.828 đồng.

- Năm 2014: tiếp tục thực hiện truy thu tiền DVMTR năm 2014. Sau khi thu đầy đủ, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tham mưu thực hiện chi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.


Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh triển khai thực hiện, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các đơn vị cung ứng và sử dụng DVMTR; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTN;
- Lưu: VT (0.14.10.10K)

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Trai 2

BIỂU 1: CHI TIẾT KẾ HOẠCH THU TIỀN CHI TRẢ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 738 /QĐ-UBND ngày 15 / 4 /2015 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

TT	TỔ CHỨC SỬ DỤNG DVMTR	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	TỶ LỆ LƯU VỰC (%)	THÀNH TIỀN (đồng)	GHI CHÚ
[A]	[B]	[C]	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
I	CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN	Kwh		20 (đ)		12,369,258,000	
1	QUỸ TRUNG ƯƠNG THU ĐIỀU PHỐI CHO QUỸ TỈNH					11,947,130,000	
-	Nhà máy thủy điện Trị An	Kwh	1,648,000,000	20	2.04%	668,380,000	Theo Công văn số 118/VNFF-BĐH ngày 26/9/2014 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam về Thông báo tạm giao kế hoạch điều phối tiền chi trả DVMTR năm 2015.
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ	Kwh	728,406,000	20	35.54%	5,151,390,000	
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Kwh	320,000,000	20	51.80%	3,298,320,000	
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Kwh	230,000,000	20	55.01%	2,526,400,000	
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Đắc Glun (thuộc Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn)	Kwh	75,810,000	20	20.06%	302,640,000	
2	QUỸ TỈNH THU					422,128,000	
-	Nhà máy thủy điện Bù Cà Mau (thuộc Công ty TNHH TM-DV-SX Cát Nam)	Kwh	14,276,900	20	100%	285,538,000	Theo số liệu kê khai năm 2015.
-	Nhà máy thủy điện Đắc U (thuộc Công ty cổ phần Đầu tư phát triển năng lượng Phú Tân)	Kwh	6,829,500	20	100%	136,590,000	
II	CƠ SỞ SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG NƯỚC SẠCH	m³		40 (đ)		4,137,437,120	
1	QUỸ TRUNG ƯƠNG THU ĐIỀU PHỐI CHO QUỸ TỈNH					3,932,630,000	
-	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH 1 TV	m ³	433,870,390	40	17.23%	3,543,590,000	Theo Công văn số 118/VNFF-BĐH ngày 26/9/2014 của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam
-	Công ty TNHH 1 TV Cấp nước Đồng Nai	m ³	56,500,000	40	16.31%	366,700,000	
-	Công ty CP DV & XD Cấp nước Đồng Nai	m ³	3,444,000	40	16.30%	22,340,000	

[A]	[B]	[C]	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]
-	Nhà máy nước Dĩ An	m ³		40	16.56%		- Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã công bố tỷ lệ lưu vực tại Quyết định số 2487/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/10/2013. - Chưa ký Hợp đồng ủy thác.
-	Nhà máy nước Thủ Dầu Một	m ³		40	39.11%		
-	Nhà máy nước Khu liên hiệp-Tân Uyên	m ³		40	16.56%		
-	Nhà máy nước Uyên Hưng	m ³		40	16.57%		
2	QUỸ TÍNH THU					204,807,120	
-	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước	m ³	4,416,928	40	100%	176,677,120	Theo số liệu kê khai năm 2015.
-	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	m ³	383,250	40	100%	15,330,000	
-	Công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước	m ³	320,000	40	100%	12,800,000	
III	TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KINH DOANH DU LỊCH	Doanh thu		1%		450,000	
	QUỸ TÍNH THU					450,000	
1	Ban Quản lý Vườn QG Bù Gia Mập	Doanh thu	45,000,000	1%	100%	450,000	Theo số liệu kê khai năm 2015.
2	Công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước (Khu di tích núi Bà Rá)	Doanh thu			100%		Chưa ký Hợp đồng ủy thác.
TỔNG CỘNG (I+II+III)						16,507,145,120	



BIỂU 2: CHI TIẾT KẾ HOẠCH TRUY THU CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DVMTR CÒN NỢ NĂM 2011, 2012, 2013, 2014

(Kèm theo Quyết định số: 738 /QĐ- UBND ngày 15/7 /2015 của UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị sử dụng DVMTR	SỐ TIỀN CÒN NỢ ĐỢNG PHẢI TRUY THU				
		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tổng
A	SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN	68,544,174	326,979,234	900,245,201	4,628,499,730	5,924,268,339
I	Quý TW thu	68,544,174	326,979,234	900,245,201	4,467,025,730	5,762,794,339
1	Nhà máy Thủy điện Trị An	-	-	-	67,075,187	67,075,187
2	Công ty CPTĐ Thác Mơ	-	-	-	759,052,204	759,052,204
3	Công ty CPTĐ Cần Đơn	-	-	900,245,201	3,092,174,000	3,992,419,201
4	Công ty CPTĐ Srok Phu Miêng IDICO	-	-	-	547,676,927	547,676,927
5	Nhà máy Thủy điện Đăk Glun	68,544,174	326,979,234	-	1,047,412	396,570,820
II	Quý tỉnh thu	-	-	-	161,474,000	161,474,000
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk U	-	-	-	106,600,000	106,600,000
2	Công ty Cổ phần Thủy Điện Bù Cà Mau	-	-	-	54,874,000	54,874,000
B	SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG NƯỚC SẠCH	10,971,566	47,511,644	2,942,468	233,264,555	294,690,233
I	Quý TW thu	10,971,566	47,511,644	2,942,468	203,848,875	265,274,553
1	Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH 1 TV	10,971,566	47,511,644	2,942,468	203,848,875	265,274,553

2	Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	-	-	-	-	-
3	Công ty CP DV&XD Cấp nước Đồng Nai	-	-	-	-	-
II	Quỹ tích thu		-	-	29,415,680	29,415,680
1	Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước BP	-	-	-	26,404,800	26,404,800
2	Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	-	-	-	3,010,880	3,010,880
3	Công ty TNHH MTV DV Thủy lợi BP	-	-	-	-	-
C	DỊCH VỤ DU LỊCH	-	-	59,000	150,000	209,000
1	VQG Bù Gia Mập	-	-	59,000	150,000	209,000
Tổng cộng		79,515,740	374,490,878	903,246,669	4,861,914,285	6,219,167,572

BIỂU 3: CHI TIẾT KẾ HOẠCH CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NAM 2015


(Kèm theo Quyết định số: 739/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh)

TT	ĐỐI TƯỢNG	DIỆN TÍCH (ha)	ĐƠN GIÁ (đồng/ha)	TỔNG SỐ TIỀN CHỨ HỮU (đồng)	TRONG ĐÓ (đồng)		GHI CHÚ
					CHI PHÍ QUẢN LÝ	CHI TRẢ DVMTR	
[A]	[B]	[1]	[2]	[3]=[1]*[2]	[4]=[3]*10%	[5]=[3]-[4]	[6]
I	CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BVR (cho Chủ rừng là tổ chức)	49,008.986	250,000	12,252,246,500	1,225,224,650	11,027,021,850	Theo Điều 15 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ.
1	Ban QLRPH Bù Gia Phúc	304.7	250,000	76,175,000	7,617,500	68,557,500	Thuộc lưu vực Sông Bé
2	Hạt Kiểm lâm Thị xã Phước Long	639.2	250,000	159,800,000	15,980,000	143,820,000	Thuộc lưu vực Sông Bé
3	Công ty TNHH MTV Cao Su Sông Bé	6,100.647	250,000	1,525,161,750	152,516,175	1,372,645,575	
	- NLT Bù Đốp	5,671.662	250,000	1,417,915,500	141,791,550	1,276,123,950	Thuộc lưu vực Sông Bé
	- NLT Nghĩa Trung	428.985	250,000	107,246,250	10,724,625	96,521,625	Thuộc lưu vực Sông Bé, Sông Đồng Nai
4	Công ty TNHH MTV Cao Su Phước Long	6,095.1	250,000	1,523,775,000	152,377,500	1,371,397,500	
	- NLT Đắk Mai	6,095.1	250,000	1,523,775,000	152,377,500	1,371,397,500	Thuộc lưu vực Sông Bé
5	Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Phước	4,848.179	250,000	1,212,044,750	121,204,475	1,090,840,275	
	- NLT Đồng Xoài	982.06	250,000	245,515,000	24,551,500	220,963,500	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
	- NLT Tân Lập	2,866.307	250,000	716,576,750	71,657,675	644,919,075	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
	- NLT Đồng Tâm	133.293	250,000	33,323,250	3,332,325	29,990,925	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
	- NLT Lam Sơn 3	866.519	250,000	216,629,750	21,662,975	194,966,775	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
6	Ban Quản lý Vườn QG Bù Gia Mập	24,855	250,000	6,213,750,000	621,375,000	5,592,375,000	Thuộc lưu vực Sông Bé
7	Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	2,305.9	250,000	576,475,000	57,647,500	518,827,500	
	- NLT Cao su Đồng Nai	2,305.9	250,000	576,475,000	57,647,500	518,827,500	Thuộc lưu vực Sông Đồng Nai
8	VQG Cát Tiên	3,777.87	250,000	944,467,500	94,446,750	850,020,750	Thuộc lưu vực Sông Đồng Nai
9	Trung tâm ứng dụng khoa học kỹ thuật Lâm nghiệp Nam Bộ (Viện KHLN Nam Bộ)	82.39	250,000	20,597,500	2,059,750	18,537,750	Thuộc lưu vực Sông Mã Đà
II	CHI HOẠT ĐỘNG BỘ MÁY QUỸ (10% kế hoạch thu DVMTR năm 2015)	16,507,145,120	10%	1,650,714,512			Có dự toán riêng và được cấp có thẩm quyền phê duyệt
III	Quỹ quỹ dự phòng 5% = 825.357.256 đồng (= 749.616.050 đồng + 75.741.206 đồng)		5% (chuyển quỹ dự phòng năm 2014: 749.616.050 đồng)	75,741,206			Do nguồn kinh phí Quỹ dự phòng năm 2014 chưa sử dụng là 749.616.050 đồng; theo quy định tại khoản 3, Điều 6 – Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính nguồn tiền này được chuyển sang Quỹ dự phòng năm 2015. Do vậy, để đạt tổng nguồn Quỹ dự phòng (5%) năm 2015 là 825.357.256 đồng, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trích bổ sung Quỹ dự phòng từ nguồn thu theo kế hoạch thu DVMTR năm 2015 là 75.741.206 đồng
	TỔNG CHI			13,978,702,218			
IV	Số tiền chưa chi (so với kế hoạch thu đạt 100%)			2,528,442,902			Sẽ điều chỉnh kế hoạch chi bổ sung sau khi thu đạt 100% kế hoạch

Biểu 4: TỔNG HỢP THU HỒI TIỀN CÁC ĐƠN VỊ ĐÃ TẠM ỨNG

theo Quyết định số: 738/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng



TT	Đơn vị	Hạng mục	Số tiền
I	Từ các dự án cơ sở		1,492,073,000
1	Hạt kiểm lâm Bù Đốp	Trồng và chăm sóc 30 ha rừng bán ngập	688,074,000
2	Sở Nông Nghiệp & PTNT	Xây dựng đề án chi trả DVMTR	777,999,000
3	Hạt kiểm lâm Phước Long	Quyết toán bảo vệ và phát triển rừng năm 2013	16,000,000
4	Chi cục lâm nghiệp	Quyết toán bảo vệ và phát triển rừng năm 2013	10,000,000
II	Công ty TNHH MTV Cao su Phước Long	Tạm ứng kinh phí quản lý bảo vệ rừng	10,000,000,000
Tổng cộng			11,492,073,000